

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 972021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị O, sinh năm 1996 “có đơn xin mặt”;

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1992 “vắng mặt”;

Cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị O trình bày:

- Về hôn nhân: bà Võ Thị O và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đến ngày 11/6/2015 thì đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng bà O, ông T có hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên bà O và ông T đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Bà O và ông T có 01 người con chung là Huỳnh Võ Gia Th, sinh ngày 05/4/2015. Khi ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Thiện cho đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng: bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ và làm thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị O.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị O được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Giao người con chung là Huỳnh Võ Gia Th, sinh ngày 05/4/2015 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O và ông T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết bà Võ Thị O khởi kiện ông Huỳnh Văn T yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Văn T có nơi cư trú cuối cùng tại

xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nguyên đơn bà Võ Thị O đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà O.

[2] Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng ông T vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị O và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thắng huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/6/2015. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ theo lời khai của bà O trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà O, ông T chung sống với nhau không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do, tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân nhau từ 2015 cho đến nay. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O. Cho ly hôn giữa bà Võ Thị O và ông Huỳnh Văn T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà O và ông T có 01 người con chung là Huỳnh Võ Gia Th, sinh ngày 05/4/2015; khi ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thiện cho đến khi 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của bà O và ông T đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, hiện nay cháu Thiện đã đã được 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Thiện thì cháu Thiện có nguyện vọng được sống với bà O. Do đó, để tạo điều kiện để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội thì đối với yêu cầu bà O là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết .

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà O không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị O.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị O và ông Huỳnh Văn T.

1.2. Về nuôi con: Giao con chung Huỳnh Võ Gia Th, sinh ngày 05/4/2015 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà O kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà O phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006012 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Bình Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công